

Số: 27/2021/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 và Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 361/TTr-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 và Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn ở thôn, tổ dân phố và người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Mức khoán quỹ phụ cấp hàng tháng các chức danh (bao gồm cả kinh phí hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế), cụ thể:

- a) Cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở;
- b) Cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,6 lần mức lương cơ sở;

c) Cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,3 lần mức lương cơ sở".

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/2019/NQ-HĐND như sau:

a) Tăng mức phụ cấp đối với 16 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn thêm hệ số 0,1/chức danh/tháng.

b) Bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi xã, phường, thị trấn vào các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và hưởng mức phụ cấp hàng tháng như sau: Cấp xã loại I hưởng hệ số 0,4 mức lương cơ sở/tháng; Cấp xã loại II, III hưởng hệ số 0,3 mức lương cơ sở/tháng.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang khoá XIX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2021./.

Nơi nhận: TK

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế/Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế/Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế/ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh;
- Các Sở, cơ quan, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Thường trực Thành ủy, Huyện ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin ĐBDC tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: VT, CT.HĐND, SNV (4 bản).

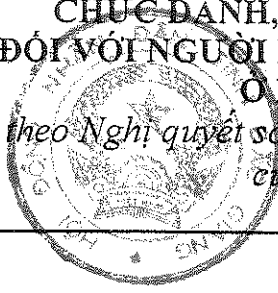
CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

Phụ lục
**CHỨC DANH, MỨC PHỤ CẤP TỪNG CHỨC DANH
 ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
 Ở XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

(Kèm theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021
 của HĐND tỉnh Bắc Giang)



STT	Chức danh	Mức phụ cấp hàng tháng (Hệ số so với mức lương cơ sở)		
		Xã, phường, thị trấn loại I	Xã, phường, thị trấn loại II	Xã, phường, thị trấn loại III
1	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	1,0	0,8	0,7
2	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;	0,9	0,8	0,7
3	Phó Chủ tịch Hội Nông dân (chỉ bố trí ở đơn vị có tổ chức Hội Nông dân)	0,9	0,8	0,7
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0,9	0,8	0,7
5	Phó Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,9	0,8	0,7
6	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,0	0,8	0,7
7	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	1,0	0,8	0,7
8	Phó trưởng Công an xã, thị trấn (Trưởng ban Bảo vệ dân phố đối với phường)	1,0	0,9	0,7
9	Phó Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự	1,0	0,8	0,7
10	Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ;	0,9	0,8	0,7
11	Đài truyền thanh - Quản lý văn hóa, thông tin, thể thao	1,0	0,9	0,7
12	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,0	0,8	0,7
13	Phó ban Tổ chức Đảng ủy	0,9	0,8	0,7
14	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy	0,9	0,8	0,7
15	Văn phòng Đảng ủy	1,0	0,9	0,7
16	Công an viên đối với xã, thị trấn (Phó ban Bảo vệ dân phố đối với phường).	0,9	0,8	0,7
17	Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi	0,4	0,3	0,3

